TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HS-ST
Ngày: 31-05-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Quang

2. Bà Đàm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 14/5/1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: G H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N (chết) và bà: Nguyễn Thị H; chồng: Trịnh Hoàng T1; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2023 tại Nhà tạm giữ Công an Q.

2. Đỗ Thị Thanh L, sinh ngày 20/01/1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3 L, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Phòng 40 khách sạn V1, số C L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn L1 (chết) và bà: Hà Thị H1; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/3/2016, bị

Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù theo bản án số 79/2016/HSST về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2023 tại Nhà tạm giữ Công an Q.

3. Bùi Trọng Bảo N, sinh ngày 04/6/2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3 L, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Trọng S (chết) và bà: Đỗ Thị Thanh L; có 01 con sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2023 tại Nhà tạm giữ Công an Q.

(Các bị cáo có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 16/10/2023, Tổ tuần tra Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý Công an Q tuần tra đến trước nhà 2 T, Phường A, Quận A, phát hiện Bùi Trọng Bảo N điều khiển xe mô tô biển số 76ZL-4184 có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra, phát hiện và tạm giữ trên tay phải của Nguyên 02 (hai) gói nylon chứa tinh thể không màu. Nguyên khai là ma tuý tổng hợp của N cất giữ để đem đi bán. Công an P, Quận A lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với N chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q trưng cầu giám định tinh thể không màu đã thu giữ của Bùi Trọng Bảo N. Kết luận giám định số 11664/KL-KTHS ngày 25/10/2023 của Phòng K Công an T3: "Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma tuý ở thể rắn có khối lượng 0,7710g (không phẩy bảy bảy một không gam), loại Methamphetamine".

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, bị cáo Nguyên k nhận: "Khoảng 20 giờ ngày 16/10/2023, N đến Phòng 401 Khách sạn V&M, số: C L, Phường A, Quận A để nhờ mẹ ruột, là Đỗ Thị Thanh L trông dùm con cho N đi làm. Khi N đi về thì L đưa cho N 02 gói ma tuý nhờ mang đến đầu hẻm B T, Phường A, Quận A để bán cho một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) và thu 800.000 đồng. L đưa cho N 01 chiếc điện thoại để khi nào đến đầu hẻm thì gọi cho L. Sau đó, N cầm gói ma tuý đi đến trước nhà số B T, Phường A, Quận A đợi giao ma tuý cho người mua thì bị Công an kiểm tra bắt giữ. Đây là lần đầu N đi giao ma tuý cho L và không được trả công khi đi giao ma tuý cho L.

Lúc 21 giờ 05 phút ngày 16/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q phối hợp với Công an P1, Quận A tiến hành kiểm tra hành chính Phòng 401 Khách sạn V&M, số: C L, Phường A, Quận A. Tại thời điểm kiểm tra, trong phòng có hai người là Đỗ Thị Thanh L và Ngô Thị Ngọc B. Qua kiểm tra thu giữ của L: 02 (hai) gói nylon chứa tinh thể không màu, 01 (một) gói nylon chứa tinh thể không màu ở dưới nệm phía đầu giường, 01 bình thuỷ tinh, 01 ống hút, 01 bình gas, 01 cây kéo, 10 gói nylon rỗng. L khai nhận tinh thể không màu là ma tuý tổng hợp, L mua của Nguyễn Thị Ngọc T rồi cất giữ để bán kiếm lời. Công an P1, Quận A lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với L, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q xử lý.

Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 16/10/2023, tại Khách sạn V1, số C L, phường A, Quận A Tổ tuần tra Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý Công an Q phát hiện Nguyễn Thị Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số 74F4-4849 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành mời về trụ sở Công an P1, Quận A, kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra, phát hiện trong túi xách của T đang đeo trên người có 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng gấp làm đôi, bên trong tờ tiền có dán 01 gói nylon chứa tinh thể không màu. T khai nhận tinh thể là ma tuý tổng hợp của T cất giữ để bán lấy lời. Công an P1, Quận A lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị Ngọc T chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q trưng cầu giám định tinh thể không màu đã thu giữ của Đỗ Thị Thanh L. Kết luận giám định số 11664/KL-KTHS ngày 25/10/2023 của Phòng K Công an T3:

"- Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m1 cần giám định là ma tuý ở thể rắn có khối lượng 0,4277g (không phẩy bốn hai bảy bảy gam), loại Methamphetamine.

- Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma tuý ở thể rắn có khối lượng 0,2893g (không phẩy hai tám chín ba gam), loại Methamphetamine".

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q trưng cầu giám định tinh thể không màu đã thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc T. Kết luận giám định số 11665/KL-KTHS ngày 25/10/2023 của Phòng K Công an T3: "Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma tuý ở thể rắn có khối lượng 1,0126g (một phẩy không một hai sáu gam), loại Methamphetamine".

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Đỗ Thị Thanh L khai nhận để có tiền tiêu xài, cách ngày bị bắt khoảng 01 tháng. Lài mua ma tuý của một người phụ nữ (không rõ lai lịch) ở đường B, Quận A về phân chia để bán cho người nghiện kiếm lời. Ngày 14/10/2023, do không tìm được người phụ nữ đã bán ma

tuý cho mình, L liên hệ với Nguyễn Thị Ngọc T, số điện thoại 0338786773, hỏi mua 1.000.000 đồng ma tuý đá. T đồng ý và giao ma tuý cho L tại trước khách sạn V1. Lài mang lên phòng phân chia thành các gói nhỏ để bán. Khoảng 18 giờ ngày 15/10/2023, người có tài khoản Zalo tên "John. D" liên hệ L hỏi mua 300.000 đồng ma tuý. L đồng ý và hẹn giao ma tuý trước khách sạn V1. Sau đó, L gói 01 gói ma tuý vào tờ giấy trắng rồi để trên bàn. Khoảng 21 giờ cùng ngày thì "John. D" gọi điện cho L thông báo đã đến trước khách sạn, lúc này L đang tắm nên Lài nhờ Trịnh Huân V, sống chung như vợ chồng với L, cầm gói ma tuý để trên bàn đã gói sẵn đem xuống giao cho "John. D". Lài dặn V chỉ đưa gói đồ cho khách và không thu tiền. Khoảng 20 giờ ngày 16/10/2023, "John. D" gọi điện cho L hỏi mua 500.000 đồng ma tuý và hẹn giao ma tuý tại đầu hẻm B T, Phường A, Quận A. Do không có xe nên khi Bùi Trọng Bảo N đến gặp lài để gửi con đi làm, L đã nhờ N cầm 02 gói ma tuý đi giao cho "John. D" và dặn thu 800.000 đồng, là tiền bán ma tuý và tiền nợ mua ma tuý ngày 15/10/2023 chưa trả. Đây là lần đầu tiên L nhờ N đi giao ma tuý. Ngô Thị Ngọc B không liên quan đến việc L bán ma tuý, ngày 16/10/2023 Ngô Thị Ngọc B đến phòng L để lấy tiền L còn nợ. Trịnh Huân V sống chung với L tại Phòng 401 Khách sạn V&M, V không biết L cất giữ và bán ma tuý. L thu lợi bất chính khoảng 1.000.000 đồng từ việc bán ma tuý, L đã tiêu xài hết. Tối ngày 16/10/2023, L tiếp tục mua của T 01 gói ma tuý giá 1.000.000 đồng và hẹn giao tại Khách sạn V1 nhưng chưa nhận được ma tuý thì đã bị bắt.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận phù hợp với lời khai của L về việc bán ma túy cho L. T khai mua 02 gói ma túy của một người phụ nữ tên "Su" (không rõ lai lịch) có số điện thoại 0901455363 vào ngày 13/10/2023 tại khu vực đường C, Quận C với giá 1.800.000 đồng, mỗi gói ma túy được dán vào mặt trong của tờ tiền 2.000 đồng gấp làm đôi. Ngày 14/10/2023 là lần đầu T bán ma túy cho L. Ngày 16/10/2023 khi T đang đi giao ma túy cho L thì bị Công an bắt giữ. T thu lợi bất chính được 100.000 đồng từ việc bán ma túy và đã tiêu xài hết.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Trịnh Huân V khai nhận: V và L sống chung như vợ chồng và cùng lưu trú được khoảng một tuần tại Phòng 401, khách sạn V1. Tối ngày 15/10/2023, V đi làm về thì L trong phòng tắm nói vọng ra nhờ V cầm gói đồ Lài để trên bàn xuống trước khách sạn đưa cho một nam thanh niên, mập có hình xăm ở hai cánh tay. Lài dặn chỉ đưa không lấy tiền. V đã cầm gói giấy màu trắng trên bàn xuống trước cửa khách sạn đưa cho người có đặc điểm như L miêu tả. V không biết và không liên quan đến số ma túy của L cất giữ, khi Công an thu giữ V mới biết Lài có số ma túy trên. V có sử dụng ma túy nhưng không sử dụng chung với L.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q chị Ngô Thị Ngọc B khai là bạn bè với L. Ngày 16/10/2023, chị B đến Phòng 401 khách sạn V&M gặp L để lấy tiền Lài thiếu nợ. Chị B không biết và không liên quan đến số ma túy của L bị Công an thu giữ.

Kết quả xét nghiệm nước tiểu Đỗ Thị Thanh L và Nguyễn Thị Ngọc T, Trịnh Huân V dương tính với chất ma túy; HYPERLINK \l "link"\o "Họ ̃ Tn: Bi Trọ ng Bả o"Bùi Trọng Bảo N âm tính với chất ma túy.

Vật chứng, tài sản thu giữ.

- Thu giữ của Bùi Trọng Bảo N:

+ 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thanh Đ và Cán bộ điều tra Nguyễn Phương C, bên trong chứa: 0,6355g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (2262/2023, mẫu vật hoàn lại sau giám định).

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 76Z1-4184, số khung: RLCM23B109Y012667, số máy:23B1-012665, bị cáo N sử dụng đi bán ma túy. Kết quả giám định số khung, số máy không đổi. Kết quả xác minh xe do ông Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1989 thường trú: ấp P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đứng tên chủ sở hữu. Kết quả xác minh Công an xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi: không có ai tên Nguyễn Hữu H2 - sinh năm 1989. Bị cáo Nguyên khai mua xe của một người tên "Bin Cu" (không rõ nhân thân, lai lịch) vào khoảng đầu tháng 10/2023, với giá 7.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu chiếc xe nhưng đến nay chưa có kết quả.

+ 01 điện thoại di động hiệu Itel, số thuê bao: 0819387485. Bị cáo L đưa cho bị cáo N để sử dụng liên lạc mua bán ma túy.

- Thu giữ của Đỗ Thị Thanh L.

+ 02 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thanh Đ và Cán bộ điều tra Nguyễn Phương C: Gói 1: bên trong chứa: 0.2778g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine; gói 2: Bên trong chứa 0,2295g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (2263/2023, mẫu vật hoàn lại sau giám định).

+ 01 điện thoại di động hiệu Realmme, có số imei: 868082067425263, số thuê bao: 0936172667 và 0936275650, bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội

+ 01 bình thủy tinh, 01 nỏ thủy tinh, 01 ống hút, 01 bình gas mini, 01 cây kéo, 10 gói nylon rỗng bị cáo L dùng để sử dụng và bán ma túy.

- Thu giữ Nguyễn Thị Ngọc T

+ 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thanh Đ và Cán bộ điều tra Nguyễn Phương C, bên trong chứa 0,8892g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, (2264/2023, mẫu vật hoàn lại sau giám định).

+ 01 tờ tiền mệnh giá: 2.000 đồng bị cáo T dùng để cất giấu ma túy.

+ 01 túi xách có chữ "GUCCI made in Italy" bị cáo T dùng để cất giấu ma túy.

+ Số tiền: 184.000 đồng là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, có số imei: 351726111547068, số thuê bao: 0338786773 bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội.

+ 01 xe mô tô biển số: 74F7-4849, số khung: RLCN5P110AY287252, số máy: 5P11-287266. Bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội. Kết quả giám định số khung, số máy không đổi. Kết quả xác minh xe có số khung, số máy như trên được cấp biển số: 83P1-02691, do bà Trần Thị C1, địa chỉ: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, đứng tên chủ sở hữu. Bà Trần Thị C1 khai mua xe năm 2011, sau một thời gian sử dụng bà C1 đã bán cho một cửa hàng xe cũ tại Bình Dương, không nhớ thông tin cửa hàng đã bán xe. Biển số xe 74F7-4849 cấp cho xe mô tô nhãn hiệu Smash, do ông Hoàng Kim H3, địa chỉ: Khu phố D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, đứng tên chủ sở hữu. Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị xác minh: tại Khu phố D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có 02 người tên Hoàng Kim H3. Trong đó, một người tên Hoàng Kim H3 khai không đăng ký sở hữu xe mô tô biển số 74F7-4849; một người tên Hoàng Kim H3 hiện không có mặt tại địa phương. Bị cáo T khai mua xe trên của một người tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) vào khoảng tháng 4/2023 với giá 2.500.000 đồng và không làm giấy tờ mua bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu chiếc xe trên nhưng đến nay không có ai đến liên hệ làm việc.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKSQ10 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T về tội: "Mua bán trái phép chất ma tuý"

Theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Đỗ Thị Thanh L về tội: "Mua bán trái phép chất ma tuý"

Theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Bùi Trọng Bảo N về tội: "Mua bán trái phép chất ma tuý"

Theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Đỗ Thị Thanh L, Bùi Trọng Bảo N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo đối với xã hội và nêu lên tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Đỗ Thị Thanh L; áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với Bùi Trọng Bảo N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thanh L từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Bùi Trọng Bảo N từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo T từ 10.000.000 (mười triệu) đồng đến 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng

Phạt bổ sung bị cáo L từ 10.000.000 (mười triệu) đồng đến 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo N

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo Đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành

phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Đỗ Thị Thanh L, Bùi Trọng Bảo N đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 16/10/2023, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T có hành vi cất giữ trái phép 1,0126 gam ma túy loại Methamphetamine để bán cho bị có Lài. Ngoài ra, bị cáo T còn khai nhận ngày 14/10/2023, bị cáo đã bán 1,488 gam ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo L. Chiếu theo danh mục các chất ma túy và tiền chất ban hành theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ thì đó là chất ma túy ở thể rắn. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T bị truy tố và xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Đỗ Thị Thanh L đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, với khối lượng 0,771 gam, loại Methamphetamine; ngoài ra, bị cáo Đỗ Thị Thanh L còn tàng trữ 0,717 gam ma tuý loại Methamphetamine để bán lại cho người khác. Vì vậy, bị cáo Đỗ Thị Thanh L bị truy tố và xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Bùi Trọng Bảo N đã có hành vi cất giữ trái phép 0,771 gam ma túy loại Methamphetamine để bán cho người khác nên bị cáo Bùi Trọng Bảo N bị

truy tố và xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với Trịnh Huân V sống chung với bị cáo L tại Phòng 401 Khách sạn V&M, V không biết L mua bán trái phép chất ma túy, lời khai của V phù hợp với lời khai của bị cáo L, vì vậy không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

Đối với Ngô Thị Ngọc B đến phòng bị cáo L để lấy tiền Lài còn nợ, chị B không biết L mua bán trái phép chất ma túy, vì vậy không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T đã mua số lượng ma tuý lớn để về bán lại cho bị cáo L nhiều lần nhằm mục đích kiếm lời, nên Hội đồng xét xử cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

Bị cáo Đỗ Thị Thanh L và bị cáo Bùi Trọng Bảo N phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, không có tổ chức. Bị cáo L mua ma túy về phân nhỏ để bán cho các con nghiện kiếm lời, bị cáo N tuy không biết việc L mua ma túy và phân chia ma túy như thế nào nhưng có hành vi giúp sức đi giao ma túy giúp bị cáo L một lần, nên tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo N là hạn chế hơn bị cáo L.

Ma túy là mối hiểm họa cho gia đình và xã hội, nó đã lây lan và phát triển một cách nghiêm trọng, làm suy đồi và băng hoại nhân cách con người, là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tội phạm hình sự khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm nghiêm trọng đến chế độ quản lý của nhà nước về việc sử dụng chất ma tuý mà còn gây tác hại cho sức khoẻ, làm suy thoái đạo đức con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương. Ngoài ra, căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Đỗ Thị Thanh L một số tiền nộp ngân sách Nhà nước. Xét thấy bị cáo Bùi Trọng Bảo N là lao động tự do có mức thu nhập thấp và phải nuôi con nhỏ nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

Về tình tiết tăng nặng: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Đỗ Thị Thanh L, Bùi Trọng Bảo N có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

+ Đối với: 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thanh Đ và Cán bộ điều tra Nguyễn Phương C, bên trong chứa: 0,6355g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (2262/2023, mẫu vật hoàn lại sau giám định); 02 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thanh Đ và Cán bộ điều tra Nguyễn Phương C: Gói 1: bên trong chứa: 0.2778g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine; gói 2: Bên trong chứa 0,2295g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamin (2263/2023, mẫu vật hoàn lại sau giám định); 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thanh Đ và Cán bộ điều tra Nguyễn Phương C, bên trong chứa 0,8892g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (2264/2023, mẫu vật hoàn lại sau giám định). Đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với: 01 bình thủy tinh, 01 nỏ thủy tinh, 01 ống hút, 01 bình gas mini, 01 cây kéo, 10 gói nylon rỗng bị cáo L dùng để sử dụng và bán ma túy; 01 túi xách có chữ "GUCCI made in Italy" bị cáo T dùng để cất giấu ma túy; 01 biển số xe 74F7-4849; đây là vật chứng không có giá trị nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy.

+ Đối với: 01 tờ tiền mệnh giá: 2.000 đồng bị cáo T dùng để cất giấu ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Itel, số imei: 359623091582607, số thuê bao: 0819387485. Bị cáo L đưa cho bị cáo N để sử dụng liên lạc mua bán ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Realmme, có số imei: 868082067425263, số thuê bao: 0936172667 và 0936275650, bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, có số imei: 351726111547068, số thuê bao: 0338786773 bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội; đây là phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

+ Đối với: Số tiền 184.000 đồng là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội; đây là tài sản của bị cáo bị thu giữ, không phải là vật chứng nên trả lại cho bị cáo, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải kê biên số tiền này để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 76Z1-4184, số khung: RLCM23B109Y012667, số máy: 23B1-012665, bị cáo N sử dụng đi bán ma túy. Kết quả giám định số khung, số máy không đổi. Kết quả xác minh xe do ông Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1989 thường trú: Ấp P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đứng tên chủ sở hữu. Kết quả xác minh Công an xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi: Không có ai tên Nguyễn Hữu H2 - sinh năm 1989. Bị cáo Nguyên khai mua xe của một người tên "Bin Cu" (không rõ nhân thân, lai lịch) vào khoảng đầu tháng 10/2023, với giá 7.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu chiếc xe nhưng đến nay chưa có kết quả; 01 xe mô tô biển số: 74F7-4849, số khung: RLCN5P110AY287252, số máy: 5P11-287266. Bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội. Kết quả giám định số khung, số máy không đổi. Kết quả xác minh xe có số khung, số máy như trên được cấp biển số: 83P1-02691, do bà Trần Thị C1, địa chỉ: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, đứng tên chủ sở hữu. Bà Trần Thị C1 khai mua xe năm 2011, sau một thời gian sử dụng bà C1 đã bán cho một cửa hàng xe cũ tại Bình Dương, không nhớ thông tin cửa hàng đã bán xe. Biển số xe 74F7-4849 cấp cho xe mô tô nhãn hiệu Smash, do ông Hoàng Kim H3, địa chỉ: Khu phố D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, đứng tên chủ sở hữu. Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị xác minh: tại Khu phố D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có 02 người tên Hoàng Kim H3. Trong đó, một người tên Hoàng Kim H3 khai không đăng ký sở hữu xe mô tô biển số 74F7-4849; một người tên Hoàng Kim H3 hiện không có mặt tại địa phương. Bị cáo T khai mua xe trên của một người tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) vào khoảng tháng 4/2023 với giá 2.500.000 đồng và không làm giấy tờ mua bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu chiếc xe trên nhưng đến nay không có ai đến liên hệ làm việc. Xét thấy đây là phương tiện của các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng hiện không xác định được ai là chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử quyết định giao Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 thông báo trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày ngày đăng báo để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Hết thời hạn 01 năm mà không tìm được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đối với chiếc xe trên thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền 100.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T khai đã thu lợi được từ việc mua bán ma tuý và số tiền 1.000.000 đồng mà bị cáo Đỗ Thị Thanh L khai đã thu lợi được từ việc mua bán ma tuý. Hội đồng xét xử xét thấy đây là số tiền do phạm tội mà có nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo đã tiêu xài hết nên có trách nhiệm giao nộp lại.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Đỗ Thị Thanh L, Bùi Trọng Bảo N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

- Căn cứ vào điểm b khoản 2, 5 Điều 251; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2023.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2, 5 Điều 251; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đỗ Thị Thanh L;

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thanh L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2023.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Thị Thanh L 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Bùi Trọng Bảo N;

Xử phạt bị cáo Bùi Trọng Bảo N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2023.

Miễn hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Bùi Trọng Bảo N.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ và cán bộ điều tra Nguyễn Phương C, bên trong chứa: 0,6355g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (2262/2023, mẫu vật hoàn lại sau giám định); 02 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ và cán bộ điều tra Nguyễn Phương C: Gói 1: bên trong chứa: 0.2778g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, gói 2: Bên trong chứa 0,2295g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamin (2263/2023, mẫu vật hoàn lại sau giám định); 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Đ và

cán bộ điều tra Nguyễn Phương C, bên trong chứa 0,8892g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (2264/2023, mẫu vật hoàn lại sau giám định);

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy: 01 bình thủy tinh, 01 nỏ thủy tinh, 01 ống hút, 01 bình gas mini, 01 cây kéo, 10 gói nylon rỗng; 01 túi xách có chữ "GUCCI made in Italy", 01 biển số xe 74F7-4849.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Itel, số imei: 359623091582607, số thuê bao: 0819387485; 01 điện thoại di động hiệu Realmme, có số imei: 868082067425263, số thuê bao: 0936172667 và 0936275650; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, có số imei: 351726111547068, số thuê bao: 0338786773.

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền liên quan đến việc phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T là 100.000 (một trăm nghìn) đồng, của bị cáo Đỗ Thị Thanh L là 1.000.000 (một triệu) đồng. Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Đỗ Thị Thanh L có trách nhiệm giao nộp lại.

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 228 của Bộ luật Dân sự năm 2015; giao cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thông báo với thời hạn 01 năm đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 76Z1-4184, số khung: RLCM23B109Y012667, số máy: 23B1-012665 và 01 xe mô tô biển số đăng ký: 83P1-02691, số khung: RLCN5P110AY287252, số máy: 5P11-287266 để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày đăng báo mà không có ai là chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/04/2024 giữa Công an Q và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10).

Kê biên số tiền 184.000 (một trăm tám mươi bốn nghìn) đồng của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10; PV 06;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ.

2 000038 611108

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hà Thiên Tâm